**PHỤ LỤC XIV**

MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG TỪ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ (6 THÁNG HOẶC CẢ NĂM)  
*(Kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đơn vị báo cáo: Sở Lao động-TBXH tỉnh/thành phố ……………… Mã tỉnh: |  |  |  |

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG  
KỲ BÁO CÁO** (6 tháng hoặc cả năm)…… **NĂM** ...

Ngày báo cáo: ………………………………

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Cục Thống kê ………….

**I. Thông tin tổng quan**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình cơ sở** | **Mã số** | **Cơ sở** | | **Lực lượng lao động** | | | **Tổng số TNLĐ** | | | **Tần suất TNLĐ1** | | **Ghi chú** |
| Tổng số | Số cơ sở tham gia báo cáo | Tổng số lao động | Số LĐ của cơ sở tham gia báo cáo | Số lao động nữ | Số người bị nạn | | | KTNLĐ | Kchết |
| Tổng số | Số người bị chết | Số người bị thương nặng |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phân theo loại hình cơ sở |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. Phân loại TNLĐ**

| Tên chỉ tiêu thống kê | Mã số | **Theo mức độ thương tật** | | | | | | | **Thiệt hại do TNLĐ** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số vụ TNLĐ | | | Số người bị nạn TNLĐ | | | | Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động | Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ) | | | | Thiệt hại tài sản (1.000 đ) |
| Tổng số | Số vụ có người chết | Số vụ có từ 2 người bị nạn trở lên | Tổng số | Số lao động nữ | Số người chết | Số người bị thương nặng | Tổng số | Khoản chi cụ thể của cơ sở | | |
| Y tế | Trả lương trong thời gian Điều trị | Bồi thường /Trợ cấp |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phân theo ngành2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phân theo nguyên nhân3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phân theo yếu tố gây chấn thương4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phân theo nghề nghiệp5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Tần suất TNLĐ được tính theo công thức: . Trong đó: N số người bị TNLĐ hoặc số người chết trong kỳ báo cáo; P là tổng số lao động của cơ sở tham gia báo cáo.

2 Ghi tên ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

3 Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động.

4 Ghi tên và mã số theo danh Mục yếu tố gây chấn thương.

5 Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh Mục nghề nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.